

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - NGK SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
SAIGON - TAY DO BEER -
BEVERAGE JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 03/2026-TDBECO
No.: 03/2026-TDBECO

Cần Thơ, ngày 13 tháng 8 năm 2026
Can Tho, August 13th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
REGULAR DISCLOSURE OF INFORMATION ON FINANCIAL REPORTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô thực hiện công bố thông tin BCTC bán niên soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clause 2, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Sai Gon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company discloses the 2026 reviewed semi-annual financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ/ *SAIGON-TAY DO BEER-BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: STD
- Địa chỉ/*Address*: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ, Việt Nam/ *Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam.*
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 02923 842 538 Fax: 02923 842 310
- Email: info@sgtd.com.vn Website: <https://biasaigontaydo.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure*:

BCTC bán niên soát xét năm 2026/ *2026 reviewed semi-annual financial statements*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ *Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/*Consolidated Financial Statements (Listed organizations have subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Financial Statements (Listed organization has affiliated accounting units with their own accounting systems).*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/*Cases subject to explanation of causes:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC / *Audit organization gives an opinion other than an unqualified opinion on the Financial Statements (for the 2025 audited Financial Statements):*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên soát xét năm 2026)/ *Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more between the pre-audit and post-audit figures, or changes from a loss to a profit or vice versa (for the 2026 reviewed semi-annual financial statements):*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Profit after corporate income tax in the Income Statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Profit after tax in the reporting period is a loss, or changes from profit in the report of the same period last year to loss in this period or vice versa:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2026 tại đường dẫn: <https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/> / *This information was disclosed on the company's website on August 13th, 2026, at the link: https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/.*

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- BCTC bán niên soát xét năm 2026/ 2026 reviewed semi-annual financial statements;
- Văn bản giải trình số 22/2026/CBTT/TDBECO/ Explanation document No.22/2026/CBTT/TDBECO.

CÔNG TY CP BIA - NGK SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
SAIGON - TAY DO BEER - BEVERAGE JSC



TRẦN VĂN SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ
Date: 2026.08.13 16:56:06 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - NGK SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
SAIGON - TAY DO BEER -
BEVERAGE JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 22/2026/CBTT/TDBECO
No.: 22/2026/CBTT/TDBECO

Cần Thơ, ngày 13 tháng 08 năm 2026
Can Tho, August 13th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
INFORMATION DISCLOSURE ON THE PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGE**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: State Securities Commission;
Hanoi Stock Exchange**

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô /Saigon-Tay Do Beer-Beverage Joint Stock Company.
- Mã chứng khoán/ Stock code: **STD**
- Mã số thuế/ Tax code: 1800641942
- Địa chỉ/ Address: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ, Việt Nam / Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/ Tel.: 02923.842 538 Fax: 02923.842 310.
- E-mail: info@sgtd.com.vn
- Loại thông tin công bố/ Type of information disclosure:
- Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐
- Periodic ☒ Irregular ☐ On demand ☐

1. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô giải trình về nội dung Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2026 thay đổi từ 10% trở lên và chuyển từ lỗ sang lãi so với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025, như sau: / Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company explains the profit after corporate income tax in the Income Statement of the Financial Statements for the first 6 months of 2026, which changed by 10% or more and turned from a loss to a profit compared to the Financial Statements for the first 6 months of 2025, as follows:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 604,87 triệu đồng, cải thiện 2.448,90 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025 và chuyển từ mức lỗ 1.844,03 triệu đồng sang có lãi. Nguyên nhân: Doanh thu hoạt động tài chính tăng, doanh thu khác tăng, chi phí quản lý

giảm so với cùng kỳ năm trước./ Profit after tax for the first 6 months of 2026 reached VND 604.87 million, an improvement of VND 2,448.90 million compared to the same period in 2025, turning from a loss of VND 1,844.03 million to a profit. Reasons: Financial income and other income increased, while general and administrative expenses decreased compared to the same period last year.

2. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2026 tại đường dẫn: <https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/> / This information was published on the company's website on 13/08/2026, as in the link: <https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- Lưu: VT/ Archived.

Đại diện tổ chức/ Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ Legal representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR



Trần Văn Sang



**Saigon - Tay Do Beer - Beverage
Joint Stock Company**

Interim Financial Statements for the
six-month period ended 30 June 2026



Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Corporate Information

**Enterprise Registration
Certificate No.**

1800641942

21 September 2006

The Company's enterprise registration certificate has been amended several times. The most recent of which is by Enterprise Registration Certificate No. 1800641942 dated 28 April 2026. The initial enterprise registration certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Can Tho City.

Board of Directors

Mr. Phan Thanh Hai	Chairman
Mrs. Tran Le Hoa	Member
Mr. Van Thanh Liem	Member
Mrs. Nguyen Thi Kim Cuc	Member
Mr. Le Hoang Thinh	Member

Board of Supervisors

Mrs. Tran Thi Loan Anh	Head of Board of Supervisors
Mrs. Pham Thi Phuong Kieu	Member (from 21 April 2026)
Mrs. Nguyen Thi Thanh Thuy	Member (from 21 April 2026)
Mrs. Nguyen Dong Diem Tram	Member (until 21 April 2026)
Mr. Pham Van Tien	Member (until 21 April 2026)

Board of Management

Mr. Tran Van Sang	Director (from 28 April 2026) General Director (until 28 April 2026)
-------------------	---

Registered Office

Tra Noc 1 Industrial Zone
Thoi An Dong Ward
Can Tho City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited
Vietnam

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company Statement of the Board of Management

The Board of Management of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company ("the Company") presents this statement and the accompanying interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2026.

The Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- (a) the interim financial statements set out on pages 5 to 37 give a true and fair view of the financial position of the Company as at 30 June 2026, and of its results of operations and cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying interim financial statements for issue.



On behalf of the Board of Management

Trần Văn Sang
Director

Can Tho City, 10 August 2026



KPMG Limited Branch
No. 115 Nguyen Hue Street,
Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS REVIEW REPORT

To the Shareholders

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying interim financial statements of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the statement of financial position as at 30 June 2026, the statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 10 August 2026, as set out on pages 5 to 37.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of these interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review engagements 2410 – *Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity*.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.



Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company as at 30 June 2026 and of its results of operations and its cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

KPMG Limited Branch

Vietnam

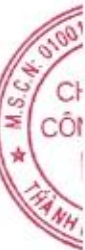
Review Report No.: 26-01-00440-26-1



Nguyễn Thụy Ninh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4623-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 10 August 2026

Nguyễn Anh Tuấn
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 0436-2023-007-1



Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of financial position as at 30 June 2026

Form B 01a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Reclassified
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		284,461,417,420	314,146,740,475
Cash and cash equivalents	110	7	8,566,291,645	813,499,026
Cash	111		366,291,645	163,499,026
Cash equivalents	112		8,200,000,000	650,000,000
Short-term financial investments	120		237,678,814,945	256,681,941,028
Held-to-maturity investments	123	8(a)	237,678,814,945	256,681,941,028
Accounts receivable – short-term	130		5,739,834,722	20,147,517,992
Accounts receivable from customers	131	9	4,962,417,510	19,670,457,066
Prepayments to suppliers	132		611,900,600	464,560,926
Other receivables	135		165,516,612	12,500,000
Inventories	140	10	30,786,024,755	36,000,539,543
Inventories	141		30,786,024,755	36,000,539,543
Other current assets	160		1,690,451,353	503,242,886
Short-term deferred expenses	161		1,690,451,353	503,242,886

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of financial position as at 30 June 2026 (continued)

Form B 01a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Long-term assets (200 = 220 + 250 + 260 + 270)	200		75,249,157,536	81,343,218,603
Fixed assets	220		72,353,896,200	77,737,109,676
Tangible fixed assets	221	11	72,353,896,200	77,737,109,676
Cost	222		536,399,828,815	536,459,347,794
Accumulated depreciation	223		(464,045,932,615)	(458,722,238,118)
Long-term work in progress	250		33,000,000	321,300,000
Construction in progress	252	12	33,000,000	321,300,000
Long-term financial investments	260		-	-
Equity investments in other entities	263	8(b)	5,000,000,000	5,000,000,000
Allowance for impairment of long-term financial investments	264	8(b)	(5,000,000,000)	(5,000,000,000)
Other long-term assets	270		2,862,261,336	3,284,808,927
Long-term deferred expenses	271	13	2,826,931,336	3,249,478,927
Long-term tools, supplies and spare parts	273		35,330,000	35,330,000
TOTAL ASSETS (280 = 100 + 200)	280		359,710,574,956	395,489,959,078

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of financial position as at 30 June 2026 (continued)

Form B 01a – DN

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
RESOURCES				
Liabilities (300 = 310)	300		92,214,991,635	118,871,241,134
Current liabilities	310		92,214,991,635	118,871,241,134
Accounts payable to suppliers	311	14	2,816,528,280	1,847,055,426
Advances from customers	312		5,984,000	-
Dividends payable	313	15	10,000,000,000	-
Taxes and others payable to the State	314	16	21,000,902,525	31,457,926,230
Payable to employees	315		2,349,248,184	2,563,102,668
Accrued expenses	316		363,426,616	94,246,000
Other payables – short-term	320	17	2,228,769,944	2,843,775,843
Short-term borrowings	321	18	53,343,959,660	79,470,964,456
Bonus and welfare funds	323	19	106,172,426	594,170,511
EQUITY	400	20	267,495,583,321	276,618,717,944
Share capital	411	21	200,000,000,000	200,000,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
Share premium	412		21,938,000,000	21,938,000,000
Investment and development fund	418	22	41,451,256,847	41,451,256,847
Retained profits	420		4,106,326,474	13,229,461,097
- Retained profits brought forward	420a		3,501,459,182	10,781,478,336
- Retained profit for the current period/year	420b		604,867,292	2,447,982,761
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		359,710,574,956	395,489,959,078

Authorised, 10 August 2026

Preparer and Chief Accountant


Tran Thanh Phuong
Accountant in-charge


Legal Representative
Tran Van Sang
Director

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of income for the six-month period ended 30 June 2026

Form B 02a – DN

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Revenue from sales of goods and provision of services	01	24	104,101,946,806	128,156,642,830
Revenue deductions	02	24	29,633,369	67,987,331
Net revenue from sales of goods and provision of services (10 = 01 - 02)	10	24	104,072,313,437	128,088,655,499
Cost of sales	11	25	100,107,791,664	123,497,100,863
Gross profit from sales of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		3,964,521,773	4,591,554,636
Financial income	22	26	8,588,233,889	7,162,642,384
Financial expenses	23	27	1,984,143,257	1,536,029,923
In which: Borrowing cost	24		1,984,143,257	1,466,724,311
Selling expenses	25		1,210,616,925	1,079,196,800
General and administration expenses	26	28	5,758,988,744	7,526,754,163
Net operating profit {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		3,599,006,736	1,612,216,134
Other income	31		1,116,325,527	51,336,055
Other expenses	32	29	3,050,364,686	3,083,874,463
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		(1,934,039,159)	(3,032,538,408)
Accounting profit/(loss) before tax (50 = 30 + 40)	50		1,664,967,577	(1,420,322,274)
Income tax expense – current	51	31	1,060,100,285	423,710,837
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51)	60		604,867,292	(1,844,033,111)
Earnings/(loss) per share				
Basic earnings/(loss) per share	70	32	30	(92)

Authorised, 10 August 2026

Preparer and Chief Accountant

Tran Thanh Phuong
Accountant in-charge

Legal Representative

Tran Van Sang
Director

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2026
(Indirect method)

Form B 03a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	Six-month period ended 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
Profit/(loss) before tax	01		1,664,967,577	(1,420,322,274)
Adjustments for				
Depreciation and amortisation	02		9,074,257,476	8,944,029,254
Profits from investing, financing activities	05		(9,669,142,979)	(7,162,642,384)
Borrowing cost	06		1,984,143,257	1,466,724,311
Operating profit before changes in working capital	08		3,054,225,331	1,827,788,907
Change in receivables and other assets	09		14,417,868,882	15,734,808,968
Change in inventories	10		5,214,514,788	4,362,852,912
Change in payables and other liabilities	11		(8,775,107,899)	(10,588,969,017)
Change in deferred expenses	12		(764,660,876)	(1,683,514,605)
			13,146,840,226	9,652,967,165
Borrowing cost paid	14		(1,984,143,257)	(1,466,724,311)
Income tax paid	15		(2,326,239,004)	(1,574,745,142)
Other payments for operating activities	17		(216,000,000)	(131,000,000)
Net cash flows from operating activities	20		8,620,457,965	6,480,497,712
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21		(3,402,744,000)	(6,437,289,871)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		1,080,909,090	-
Payments for granting loans, purchase of debt instruments of other entities	23		(209,680,000,000)	(163,670,000,000)
Receipts from collecting loans, sales of debt instruments of other entities	24		228,180,000,000	186,870,000,000
Receipts of interests and dividends	27		9,081,174,360	6,531,058,772
Net cash flows from investing activities	30		25,259,339,450	23,293,768,901

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2026
(Indirect method - continued)

Form B 03a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	Six-month period ended	
			30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Proceeds from borrowings	33		123,074,152,130	140,860,156,235
Payments to settle loan principals	34		(149,201,156,926)	(196,255,658,414)
Net cash flows from financing activities	40		(26,127,004,796)	(55,395,502,179)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50		7,752,792,619	(25,621,235,566)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	7	813,499,026	32,656,274,392
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60)	70	7	8,566,291,645	7,035,038,826

Authorised, 10 August 2026

Preparer and Chief Accountant



Tran Thanh Phuong
Accountant in-charge

Legal Representative



Tran Van Sang
Director

The accompanying notes are an integral part of these interim financial statements

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026

Form B 09a –DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements.

1. Reporting entity

(a) Ownership structure

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company (“the Company”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam.

The Company’s shares were officially traded on the unlisted public companies market (UPCoM) on the Hanoi Stock Exchange in accordance with Announcement No. 1506/QĐ-SGDHN dated 29 December 2025 of the Hanoi Stock Exchange with trading code of STD.

(b) Principal activities

The principal activities of the Company are to produce and trade beer and malt products, liquor, non-alcoholic beverages, mineral water.

(c) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(d) Company structure

As at 30 June 2026, the Company had 99 employees (1/1/2026: 107 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

These interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

(b) Basis of measurement

The interim financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December. The interim financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2026.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(d) Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for interim financial statement presentation purpose.

3. Adoption of new guidance on accounting system for enterprises

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC providing guidance on the Vietnamese Accounting System for Enterprises ("Circular 99"). Circular 99 replaces the previous guidance on Vietnamese Accounting System for Enterprises under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 200") and other circulars amending and supplementing Circular 200. Circular 99 is effective from 1 January 2026 and applicable for annual accounting periods beginning on or after 1 January 2026.

The Company has adopted the applicable requirements of Circular 99 effective from 1 January 2026 on a prospective basis, with reclassification of certain corresponding items, unless Circular 99 specifically stipulates otherwise. The significant changes to the Company's accounting policies and their effects on the financial statements, if any, are disclosed in the following notes to the financial statements.

- Held-to-maturity investments (Note 4(c)(i));
- Dividend payable (Note 4(j));

4. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these interim financial statements.

The accounting policies that have been adopted by the Company in the preparation of these interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest annual financial statements except for changes due to adoption of new guidance on accounting system for enterprises as disclosed in Note 3.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND, except for (i) accounts receivable for which allowance for doubtful debts have been provided, (ii) demand deposits, are translated into VND at the average of the account transfer buying rates and selling rates at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions. Demand deposits denominated in currencies other than VND are translated into VND at the average of the account transfer buying rates and selling rates at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company maintains the demand deposit accounts.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.



Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(b) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and demand deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(c) Investments

(i) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are those that the Company's management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include term deposits at bank, bonds, loans receivables and redeemable preference shares which the issuers are required to repurchase at a certain date. These investments are initially recognised at cost. Subsequent to initial recognition, the investments are stated at amortised costs less allowance for held-to-maturity investments. Any discount or premium are amortised on a straight-line basis over the term of the investments.

Effective from 1 January 2026, accrued interest receivables on held-to-maturity investments are recognised under the related held-to-maturity investments account on the statement of financial position. Prior to 1 January 2026, accrued interest receivables were recognised under other receivables (Note 4(d)).

(ii) Investments in other entities

Investments in other entities comprises investments in equity instruments of other entities that the Company does not have control, joint control or significant influence over the investees and investments in business cooperation contracts ("BCC contracts") that the Company does not have joint control over the activities but is entitled to share of profit or loss of the BCC contracts. These investments are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for impairment.

An allowance is made for impairment of investment if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts. An allowance for doubtful debts is made for receivables that are overdue or deemed likely to be uncollectible.

The Company assesses the recoverability of trade and other receivables on a case-by-case basis, based on specific facts and circumstances relating to each debtor, rather than applying a general provision matrix or aging-based provisioning.

As described in Note 4 (c), prior to 1 January 2026, accrued interest receivables on held-to-maturity investments were recognised under other receivables.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)**

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(e) Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and an appropriate allocation of manufacturing overheads based on normal operating capacity. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and estimated costs to sell.

(f) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair, maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the period in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ buildings and structures	8 – 15 years
▪ machinery and equipment	7 – 12 years
▪ motor vehicles	6 – 12 years
▪ office equipment	3 – 8 years

(g) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

(h) Long-term deferred expenses

(i) Returnable packaging

Returnable packaging includes bottle shell for bottled drinking water being used in the Company's production and business activities and is initially stated at cost. Returnable packaging is amortised on a straight-line basis over 2 to 3 years.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)**

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(ii) Tools and instruments

Tools and instruments include assets held for use by the Company in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under prevailing regulation. Cost of tools and instruments is amortised on a straight-line basis over 2 to 3 years.

(i) Trade and other payables and accruals

Trade and other payables and accruals are stated at their cost.

(j) Dividends payable

Dividends payable are recognised at the date when the General Meeting of Shareholders of the Company resolved to distribute dividends to shareholders.

(k) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

Severance allowance

Under the Vietnamese Labour Code, when an employee who has worked for 12 months or more (“the eligible employees”) voluntarily terminates his/her labour contract, the employer is required to pay the eligible employee severance allowance calculated based on years of service and employee’s compensation at termination. Provision for severance allowance has been provided based on employees’ years of service and their average salary for the six-month period prior to the end of the accounting period. For the purpose of determining the number of years of service by an employee, the period for which the employee participated in and contributed to unemployment insurance in accordance with prevailing laws and regulations and the period for which severance allowance has been paid by the Company are excluded.

(l) Share capital

Ordinary shares

Ordinary shares are stated at par value. Excess of cash received from shares issue over par value is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

(m) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the statement of financial position method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(n) Revenue and other incomes

(i) Goods sold

Revenue from the sale of goods is recognised in the statement of income when the significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

(ii) Services rendered

Revenue from services rendered is recognised in the statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction. The stage of completion is assessed by reference to surveys of work performed. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.

(iii) Interest income

Interest income is recognised on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate. However, interest income is not recognised for held-to-maturity investments that have been provided allowance for impairment due to unlikelihood of recovery.

(o) Leases

Leases in terms of which the Company, as lessee, does not assume substantially all the risks and rewards of ownership are classified as operating leases and are not recognised in the Company's statement of financial position.

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense over the term of the lease.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(p) Production and business expenses

Expenses shall be recognised in the statement of income in the period in which they are incurred. Except where the expenses relate to the results of production and business activities of multiple accounting periods, they shall be allocated to the income statement on a systematic or proportional basis.

(q) Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

(r) Earnings per share

The Company presents basic and diluted earnings per share ("EPS") for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders (after deducting any amounts appropriated to bonus and welfare funds for the accounting period) of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period. Diluted EPS is determined by adjusting both the profit or loss attributable to the ordinary shareholders and the weighted average number of ordinary shares outstanding to reflect the effect of all dilutive potential ordinary shares, including convertible bonds and share options. During the period, the Company had no potential ordinary shares and therefore did not present diluted EPS.

(s) Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Company's primary format for segment reporting is based on business segments.

(t) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other party are subject to common control. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

(u) Comparative information

Comparative information in these financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year/period are included as an integral part of the current period financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these interim financial statements is not intended to present the Company's financial position, results of operation or cash flows for the prior year/period.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

5. Seasonality of operations

The Company's principal business activities are to produce and trade beers. Other activities are to provide office and warehousing services and to provide domestic travel services. Management is of the opinion that these segments are not subjected to significant seasonal fluctuations.

6. Segment reporting

The Company's principal business activities are to produce and trade beers. Other activities are to provide office and warehousing services and to provide domestic travel services. During the period, other activities accounted for an insignificant proportion of total revenue and operating results of the Company, accordingly, the financial information presented in the balance sheet as at 30 June 2026 and 1 January 2026 and revenue and expenses presented in the statement of income for the six-month periods ended 30 June 2026 and 30 June 2025 were mainly related to the Company's principal business activities.

Geographically, the Company only operates in the territory of Vietnam.

7. Cash and cash equivalents

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Cash on hand	89,472,584	72,770,037
Demand deposits at banks (*)	276,819,061	90,728,989
Cash equivalents (**)	8,200,000,000	650,000,000
Cash and cash equivalents	8,566,291,645	813,499,026

(*) Details of demand deposits balance by significant banks were as follows:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam		
- Ky Dong Branch	66,502,351	5,814,447
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and		
Trade - Can Tho Branch	131,518,260	5,868,380
Other banks	78,798,450	79,046,162
	276,819,061	90,728,989

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

(**) Details of cash equivalents balance by banks were as follows:

	Currency	Original term to maturity	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Term deposits at:				
▪ Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank - Can Tho Branch	VND	1 month	6,700,000,000	-
▪ Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Saigon Central Branch	VND	1 month	1,500,000,000	-
▪ Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Can Tho Branch	VND	1 month	-	650,000,000
			8,200,000,000	650,000,000

8. Investments

(a) Held-to-maturity investments – short-term

	Original terms to maturity	Annual interest rate	30/6/2026 Amortised cost VND	1/1/2026 Amortised cost VND
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank - Tay Do Branch	6 – 7 months	7.8% - 8.7%	33,404,260,822	16,465,755,836
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank - Can Tho Branch	6 – 8 months	7.9% - 8.7%	142,617,736,425	127,149,762,479
Vietnam International Bank - Can Tho Branch	7 – 15 months	6.5% - 8.6%	58,294,466,192	102,534,783,699
Other banks	7 – 12 months	4.5% - 7.2%	3,362,351,506	10,531,639,014
			237,678,814,945	256,681,941,028

As at 30 June 2026, term deposit contracts with a total carrying amount of VND44,700 million have been pledged as collateral to secure the borrowings of the Company with banks (1/1/2026: VND37,131 million) (Note 18).

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

(b) Equity investments in other entities

Company name	Number of shares	% equity owned and voting rights	30/6/2026 and 1/1/2026		
			Cost VND	Fair value VND	Allowance VND
Sai Gon - Kien Giang Beer Joint Stock Company	500,000	4.30%	5,000,000,000	(*)	(5,000,000,000)

- (*) The Company has not determined the fair value of this investment for disclosure in the financial statements because information about its market price is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises. The fair value of this investment may differ from its carrying amount.

Movements in the allowance for equity investments during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Opening balance and closing balance	5,000,000,000	5,000,000,000

9. Accounts receivable from customers

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Related parties		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	4,788,753,916	17,632,536,707
Sai Gon Beer Trading Company Limited	86,677,834	829,724,600
Third parties		
Other customers	86,985,760	1,208,195,759
	<u>4,962,417,510</u>	<u>19,670,457,066</u>

The trade related amounts due from the related parties were unsecured, interest free and are receivable upon demand.

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)****Form B 09a – DN***(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)***10. Inventories**

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Raw materials	13,257,034,934	13,411,851,097
Tools and supplies	2,190,945,719	2,484,087,049
Work in progress	6,157,516,227	6,050,892,468
Finished goods	9,180,527,875	14,053,708,929
	30,786,024,755	36,000,539,543

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

11. Tangible fixed assets

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Total VND
Cost					
Opening balance	66,570,130,711	461,746,166,818	7,878,596,832	264,453,433	536,459,347,794
Addition	-	2,220,555,000	-	-	2,220,555,000
Disposal	-	(2,198,051,161)	(1,552,511,818)	-	(3,750,562,979)
Transfer from construction in progress	205,000,000	1,265,489,000	-	-	1,470,489,000
Closing balance	66,775,130,711	463,034,159,657	6,326,085,014	264,453,433	536,399,828,815
Accumulated depreciation					
Opening balance	56,050,192,037	394,629,167,791	7,778,424,857	264,453,433	458,722,238,118
Charge for the period	943,455,372	8,086,630,049	44,172,055	-	9,074,257,476
Disposal	-	(2,198,051,161)	(1,552,511,818)	-	(3,750,562,979)
Closing balance	56,993,647,409	400,517,746,679	6,270,085,094	264,453,433	464,045,932,615
Net book value					
Opening balance	10,519,938,674	67,116,999,027	100,171,975	-	77,737,109,676
Closing balance	9,781,483,302	62,516,412,978	55,999,920	-	72,353,896,200

Included in tangible fixed assets were assets costing VND283,296 million which were fully depreciated as at 30 June 2026 (1/1/2026: VND285,162 million), but which are still in active use.

As at 30 June 2026, the net book value of tangible fixed assets that were temporarily idle amounted to VND21,784 million (1/1/2026: VND24,785 million).

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

Major tangible fixed assets in use:

	30/6/2026	1/1/2026
	Net book value	Net book value
	VND	VND
Factory upgrade project	19,167,555,723	22,041,285,927

12. Construction in progress

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Opening balance	321,300,000	-
Additions during the period	1,182,189,000	1,639,948,800
Transfer to tangible fixed assets	(1,470,489,000)	-
Closing balances	33,000,000	1,639,948,800

Major constructions in progress were as follows:

	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Beer filling machine	33,000,000	-
Installation of steam traps for the cooking department	-	170,068,800
Wort cooling heat exchanger	-	254,880,000
Replacement of insulated roofing sheets and gutters for the factory building	-	1,215,000,000
	33,000,000	1,639,948,800

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

13. Long-term deferred expenses

	Returnable packaging VND	Tools and instruments VND	Total VND
Opening balance	621,971,539	2,627,507,388	3,249,478,927
Additions	-	652,582,209	652,582,209
Amortisation for the period	(195,874,362)	(879,255,438)	(1,075,129,800)
Closing balance	426,097,177	2,400,834,159	2,826,931,336

14. Accounts payable to suppliers

	30/6/2026 Cost/Amount within repayment capacity VND	1/1/2026 Cost/Amount within repayment capacity VND
Related parties		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	1,740,789,159	-
Sai Gon Beer Trading Company Limited	22,878,236	33,525,349
Third parties		
Truong Thang Food Processing Limited Company	577,087,500	589,260,000
Viet Nam Industrial Energy Electricity - Steam Corporation	-	292,474,125
Phuoc Khang Transportation Company Limited	107,790,000	69,768,000
Other suppliers	367,983,385	862,027,952
	2,816,528,280	1,847,055,426

The trade related amounts due to the related parties were unsecured, interest free and are payable upon demand.

15. Dividends payable

	Payment period	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dividends to be paid in cash	From 7 July 2026 to 18 July 2026	10,000,000,000	-

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

16. Taxes and others payable to the State

	1/1/2026 VND	Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	30/6/2026 VND
Special sales tax	26,230,585,378	99,949,950,243	(108,332,893,520)	-	17,847,642,101
Value added tax	3,368,975,961	20,375,229,267	(14,741,258,610)	(6,427,794,341)	2,575,152,277
Corporate income tax	1,829,936,829	1,060,100,285	(2,326,239,004)	-	563,798,110
Personal income tax	28,428,062	26,925,225	(41,043,250)	-	14,310,037
	31,457,926,230	121,412,205,020	(125,441,434,384)	(6,427,794,341)	21,000,902,525

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

17. Other payables – short-term

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Short-term deposits and collaterals received	1,963,074,658	2,592,890,000
Others	265,695,286	250,885,843
	2,228,769,944	2,843,775,843

18. Short-term borrowings

	1/1/2026 Carrying amount/Amount within repayment capacity VND	Movement during the period		30/6/2026 Carrying amount/Amount within repayment capacity VND
		Increase VND	Decrease VND	
Short-term borrowings	79,470,964,456	123,074,152,130	(149,201,156,926)	53,343,959,660

Terms and conditions of outstanding short-term borrowings were as follows:

	Currency	Annual interest rate	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
▪ Shinhan Bank Vietnam Limited – Can Tho Branch (i)	VND	6.65% - 7.71%	34,233,400,830	-
▪ Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - West Can Tho Branch (ii)	VND	8%	19,110,558,830	79,470,964,456
			53,343,959,660	79,470,964,456

- (i) This loan has a credit limit of VND80,000 million and is secured by held-to-maturity investments – short-term with carrying value of VND21,344 million as at 30 June 2026 (Note 8) (1/1/2026: Nil).
- (ii) This loan has a credit limit of VND120,000 million and is secured by held-to-maturity investments – short-term with carrying value of VND23,356 million as at 30 June 2026 (Note 8) (1/1/2026: VND37,131 million).

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

19. Bonus and welfare funds

This fund is established by appropriating from retained profits as approved by the shareholders at the General Meeting of shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Company's employees in accordance with the Company's bonus and welfare policies.

Movements of bonus and welfare fund during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Opening balance	594,170,511	465,172,426
Adjustment for bonus and welfare funds	(271,998,085)	-
Utilisation during the period	(216,000,000)	(131,000,000)
Closing balance	106,172,426	334,172,426

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

20. Changes in owners' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Investment and development fund VND	Retained profits VND	Total VND
Balance at 1 January 2025	200,000,000,000	21,938,000,000	41,451,256,847	10,581,478,336	273,970,735,183
Net loss for the period	-	-	-	(1,844,033,111)	(1,844,033,111)
Adjustment for social activities fund	-	-	-	200,000,000	200,000,000
Balance at 30 June 2025	200,000,000,000	21,938,000,000	41,451,256,847	8,937,445,225	272,326,702,072
Net profit for the period	-	-	-	4,564,013,957	4,564,013,957
Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	(271,998,085)	(271,998,085)
Balance at 1 January 2026	200,000,000,000	21,938,000,000	41,451,256,847	13,229,461,097	276,618,717,944
Net profit for the period	-	-	-	604,867,292	604,867,292
Dividends (*)	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Adjustments for bonus and welfare fund	-	-	-	271,998,085	271,998,085
Balance at 30 June 2026	200,000,000,000	21,938,000,000	41,451,256,847	4,106,326,474	267,495,583,321

(*) On 21 April 2026, the General Meeting of Shareholders of the Company resolved to distribute dividends amounting to VND10,000 million, equivalent to 5% of charter share capital, from retained profits and profit after tax of 2025 (six-month period ended 30 June 2025: Nil).

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

21. Share capital

The Company's authorised and issued share capital are:

	30/6/2026 and 1/1/2026	
	Number of shares	VND
Authorised and issued share capital		
Ordinary shares	20,000,000	200,000,000,000
Shares in circulation		
Ordinary shares	20,000,000	200,000,000,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets. In respect of shares repurchased by the Company, all rights are suspended until those shares are reissued.

There was no movements in share capital during the six-month periods ended 30 June 2026 and 30 June 2025.

22. Investment and development fund

Investment and development fund was appropriated from retained profits in accordance with the resolution of the Annual General Meeting of shareholders. This fund was established for the purpose of future business expansion.

23. Off statement of financial position items

(a) Lease

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Within one year	1,381,192,872	1,350,735,430
Within two to five years	5,524,771,488	5,402,941,718
More than five years	7,596,560,796	8,104,412,578
	14,502,525,156	14,858,089,726

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)**

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

Leased assets under operating leases comprise:

	Quantity	Lease term	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Land rental	1	15 years	14,502,525,156	14,858,089,726

(b) Capital expenditure commitments

At the end of the accounting period, the Company had the following outstanding capital commitments approved but not provided for in the balance sheet:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Approved and contracted	10,445,717,645	10,416,357,645
Approved but not contracted	1,876,160,555	3,071,060,555
	12,321,878,200	13,487,418,200

24. Revenue from sales of goods and provision of services

Total revenue from sales of goods and provision of services represents the gross value of goods sold and services rendered exclusive of value added tax.

	Six-month period ended	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Total revenue		
▪ Sales of finished goods	101,944,435,256	125,930,795,956
<i>Sales of finished goods inclusive of special sales tax</i>	<i>201,894,385,499</i>	<i>246,424,853,720</i>
<i>Special sales tax</i>	<i>(99,949,950,243)</i>	<i>(120,494,057,764)</i>
▪ Provision of services	199,818,463	361,568,280
▪ Others	1,957,693,087	1,864,278,594
	104,101,946,806	128,156,642,830
Less revenue deductions		
▪ Sales discounts	29,633,369	67,987,331
	104,072,313,437	128,088,655,499

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)****Form B 09a – DN***(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)***25. Cost of sales**

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Total cost of goods sold and services provided		
▪ Finished goods sold	99,483,670,290	123,424,287,388
▪ Others	624,121,374	72,813,475
	100,107,791,664	123,497,100,863

26. Financial income

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Interest income	8,588,233,889	7,162,642,384

27. Financial expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Borrowing cost	1,984,143,257	1,466,724,311
Realised foreign exchange losses	-	69,305,612
	1,984,143,257	1,536,029,923

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)****Form B 09a – DN***(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)***28. General and administration expenses**

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Staff costs	2,021,227,841	3,061,278,344
Outside services	1,522,417,951	1,576,560,754
Depreciation expenses	-	44,470,902
Others	2,215,342,952	2,844,444,163
	5,758,988,744	7,526,754,163

29. Other expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Depreciation of idle machinery	3,006,876,456	3,016,876,458
Others	43,488,230	66,998,005
	3,050,364,686	3,083,874,463

30. Production and business costs by element

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Raw material costs included in production costs	73,552,126,577	103,403,801,891
Labour and staff costs	12,147,046,827	13,030,363,846
Depreciation and amortisation	9,074,257,476	8,944,029,254
Outside services	5,372,167,190	5,837,216,761
Other expenses	3,511,941,035	3,702,420,691

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

31. Income tax

(a) Recognised in the statement of income

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Current tax expense		
Current period	1,060,100,285	423,710,837

(b) Reconciliation of effective tax rate

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Accounting profit/(loss) before tax	1,664,967,577	(1,420,322,274)
Tax at the Company's tax rate	332,993,515	(284,064,455)
Non-deductible expenses	727,106,770	707,775,292
Income tax expense	1,060,100,285	423,710,837

(c) Applicable tax rates

Under the terms of Income Tax Law, the Company has an obligation to pay the government income tax at the normal income tax rate of taxable profits. The normal income tax rate applicable to enterprises before any incentives is 20%.

32. Basic earnings/(loss) per share

The calculation of basic earnings/(loss) per share was based on the profit attributable to ordinary shareholders after deducting the amounts appropriated to bonus and welfare funds and a weighted average number of ordinary shares, calculated as follows:

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

(i) Net profit/(loss) attributable to ordinary shareholders

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Net profit/(loss) attributable to ordinary shareholders	604,867,292	(1,844,033,111)

(ii) Weighted average number of ordinary shares

There was no movement in the number of shares for the six-month periods ended 30 June 2026 and 30 June 2025. The weighted average number of ordinary shares used to calculate basic earnings per share for two presented periods are 20,000,000 shares.

(iii) Basic earnings/(loss) per share

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Basic earnings/(loss) per share	30	(92)

33. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances disclosed in other notes to the interim financial statements, the Company had the following significant transactions with related parties during the period:

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation		
Sales of finished goods (inclusive of special sales tax)	198,765,395,160	243,722,961,200
Purchases of raw materials	70,261,463,314	90,616,371,781
Sales of service	43,198,070	-
Dividends declared	1,440,750,000	-
Saigon Song Hau Beer Trading Joint Stock Company		
Purchases of goods	76,104,600	114,556,720
Dividends declared	276,250,000	-
Western - Sai Gon Beer Joint Stock Company		
Purchases of raw materials	-	60,760,800
Purchases of services	210,345,700	-
Dividends declared	945,903,500	-

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company**Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)****Form B 09a – DN***(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company		
Dividends declared	552,500,000	-
Saigon Song Tien Beer Trading Joint Stock Company		
Dividends declared	276,250,000	-
Sai Gon Beer Trading Company Limited		
Sales of warehouse rental service	682,978,158	301,579,485
Purchases of service	86,073,645	44,273,885
SABECO Mechanical Company Limited		
Purchases of fixed assets	697,200,000	2,611,902,000
Purchases of consulting service	-	240,025,000
Purchases of tools and supplies	1,602,164,500	22,800,000
Saigon Soc Trang Beer One Member Limited Company		
Sales of finished goods	-	3,866,667

Key management personnel salaries, bonus and remuneration

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Board of Directors		
<i>Remuneration</i>		
Mr. Phan Thanh Hai - Chairman	108,000,000	108,000,000
Mrs. Tran Le Hoa - Member	72,000,000	72,000,000
Mr. Van Thanh Liem - Member	72,000,000	72,000,000
Mrs. Nguyen Thi Kim Cuc - Member	72,000,000	72,000,000
Mr. Le Hoang Thinh - Member	72,000,000	72,000,000
Board of Supervisors		
<i>Remuneration</i>		
Mrs. Tran Thi Loan Anh - Head of Board of Supervisors	54,000,000	54,000,000
Mrs. Nguyen Thi Thanh Thuy - Member (from 21 April 2026)	14,076,923	-
Mrs. Pham Thi Phuong Kieu - Member (from 21 April 2026)	14,076,923	-
Mrs. Nguyen Dong Diem Tram - Member (until 21 April 2026)	21,923,077	36,000,000
Mr. Pham Van Tien - Member (until 21 April 2026)	21,923,077	36,000,000
Key management personnel		
Salaries, bonus and remuneration	330,423,930	607,166,758

Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company
Notes to the interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026
(continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

34. Fees paid and payable to the auditors

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Fees for review of financial information	66,000,000	63,000,000

35. Comparative information

Unless otherwise stated, comparative information as at 1 January 2026 was derived from the balances and amounts reported in the Company financial statements as at and for the year ended 31 December 2025. The comparative information for the six-month period ended 30 June 2025 was derived from the balances and amounts reported in the Company's interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025.

As described in Note 3, effective from 1 January 2026, the Company adopted the applicable requirements of Circular 99. Accordingly, certain comparative information as at 1 January 2026 have been reclassified to conform with the requirements of Circular 99 in respect of financial statement presentation. A comparison of the amounts previously reported and as reclassified is as follows:

Statement of financial position

	Code	1/1/2026 (as reclassified) VND	1/1/2026 (as previously reported) VND
Held-to-maturity investments – short-term	123	256,681,941,028	250,860,000,000
Other short-term receivables	135	12,500,000	5,834,441,028

36. Non-cash financing activities

	Six-month period ended	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Dividend declared but not yet paid	10,000,000,000	-

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

There have been no significant events which have occurred after the statement of financial position date which would require adjustments or disclosures to be made in these interim financial statements.

Preparer and Chief Accountant



Tran Thanh Phuong
Accountant in-charge

Trần Văn Tuấn
Dire

Tran Van Sang
Director

42-001-C.T.T. (1000)
HÀNH
Y TỈNH
MG
HỒ CHÍ MINH

